

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2023
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Trường Vũ;
- Ông Huỳnh Thanh Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Thịnh, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 181/2023/TLST-HN&GD ngày 19 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-HN ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 5, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích Ng, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 8, khóm LTD D, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG.

Anh T và chị Ng đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: Vào năm 1995, anh T và chị Ng do tự tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý, có tiến hành tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Ng làm ăn thua lỗ nên anh T và chị Ng xảy ra bất đồng quan điểm sống về tình cảm, có cãi vã

nhau và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay, anh T yêu cầu ly hôn với chị Ng.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, anh T và chị Ng có 02 (hai) con chung tên Trần T Kh, sinh ngày 18/8/1997 (hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Trần T Anh Kh, sinh ngày 22/8/2013. Hiện con chung tên Kh đang sống với chị Ng, khi ly hôn, anh T giao con chung Kh cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 07 năm 2023 cho đến khi con chung tên Anh Khoa thành niên và có khả năng lao động.

Tài sản chung và nợ chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Bích Ng trình bày: Thông nhất về thời gian và điều kiện chung sống như anh T trình bày. Chị Ng và anh T không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Ng làm ăn thua lỗ nên chị Ng và anh T xảy ra bất đồng quan điểm sống về tình cảm, có cãi vã nhau và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Anh T yêu cầu ly hôn với chị Ng, chị Ng đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Ng và anh T có 02 (hai) con chung tên 02 (hai) con chung tên Trần T Kh, sinh ngày 18/8/1997 (hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Trần T Anh Kh, sinh ngày 22/8/2013. Hiện các con chung đang sống với chị Ng, khi ly hôn, chị Ng yêu cầu nuôi con chung cháu Anh Khoa đến khi thành niên và có khả năng lao động, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 07 năm 2023 cho đến khi con chung tên Anh Kh thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về con chung; không hòa giải về hôn nhân do anh T và chị Ng thống nhất không đăng ký kết hôn;

Hội đồng xét xử, công bố biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng của em Trần T Anh Kh, sinh ngày 22/8/2013; kết quả xác nhận ngày 10/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã Long An và ngày 26/5/2023 của Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang như sau:

- Ý kiến của em Trần T Anh Kh, em là con ruột của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Bích Ng. Hiện nay, em sống chung với mẹ ruột, mọi chi tiêu sinh hoạt hằng ngày do cha mẹ lo cho em và em Khoa có nguyện vọng sống với mẹ Nguyễn Thị Bích Ng.

- Ủy ban nhân dân xã Long An và Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xác nhận, không tìm thấy thông tin kết hôn của anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Bích Ng.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, anh T và chị Ng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Về con chung, anh T và chị Ng có 02 (hai) con chung tên Trần T Kh, sinh ngày 18/8/1997 (hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Trần T Anh Kh, sinh ngày 22/8/2013. Anh T đồng ý giao con chung Trần T Anh Kh cho chị Ng nuôi dạy và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Anh Kh 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của anh T và chị Ng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Bích Ng là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích Ng được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần T Anh Kh, sinh ngày 22/8/2013. Công nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 07 năm 2023 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật; chị Ng không phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Anh Trần Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích Ng. Chị Ng có nơi cư trú tại tổ 8, khóm LTD, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 1995, anh T và chị Ng tự tìm hiểu, yêu thương nhau, sống chung như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Ng làm ăn thua lỗ nên anh T và chị Ng xảy ra bất đồng quan điểm sống về tình cảm, kinh tế, cãi vã nhau và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay, anh T yêu cầu ly hôn với chị Ng, chị Ng đồng ý ly hôn với anh T.

Theo kết quả xác nhận, ngày 10/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã Long An và ngày 26/5/2023 của Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang về việc không tìm thấy thông tin kết hôn của anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Bích Ng.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”*.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*.

Anh T và chị Ng chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Bích Ng là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời gian sống chung, anh T và chị Ng thống nhất có 02 (hai) con chung tên Trần T Khanh, sinh ngày 18/8/1997 (hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Trần T Anh Kh, sinh ngày 22/8/2013.

Chị Ng yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Anh K, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng kể từ tháng 07 năm 2023 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh T đồng ý giao con chung tên Anh Kh cho chị Ng tiếp tục nuôi dạy và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 07 năm 2023 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Anh Kh, cháu Anh Kh có nguyện vọng được sống chung với chị Ng. Xét, chị Ng và anh T đã tự thỏa thuận về việc nuôi con chung, sự thỏa thuận của chị Ng và anh T phù hợp quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Bích Ng cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Văn T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị Ng thống nhất khai, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 (một trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà anh T đã nộp. Anh T phải nộp thêm 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí.

Chị Ng không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Bích Ng là vợ chồng.

Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Bích Ng thống nhất có 02 (hai) con chung tên Trần T Kh, sinh ngày 18/8/1997 (hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động) và Trần T Anh Kh, sinh ngày 22/8/2013.

Chị Nguyễn Thị Bích Ng được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần T Anh Khoa, sinh ngày 22/8/2013. Công nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn T

cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 07 năm 2023 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Chị Nguyễn Thị Bích Ng cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Văn T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí sơ thẩm:

Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007521 ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; anh T phải nộp thêm số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí.

Chị Nguyễn Thị Bích Ng không phải chịu án phí sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T và chị Ng có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương